

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi thuộc thẩm quyền
giải quyết của UBND cấp xã tỉnh Long An

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về
kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ về
sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục
hành chính;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này 02 thủ tục hành chính được
sửa đổi thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã tỉnh Long An.

(Phụ lục kèm theo Quyết định (08 trang) tham khảo, tải về tại Trang tin
điện tử Cải cách thủ tục hành chính: www.ccthc.longan.gov.vn).

Điều 2. Giao Giám đốc Sở Tư pháp tổ chức nhập hồ sơ văn bản, hồ sơ thủ
tục hành chính đã được công bố vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính
và gửi Bộ Tư pháp để công khai theo quy định.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 05 tháng 7 năm 2013.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tư pháp, Thủ trưởng
các cơ quan, đơn vị có liên quan; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã Kiến Tường,
thành phố Tân An; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn chịu trách nhiệm thi
hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tư Pháp;
- Cục Công tác phía Nam (BTP);
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Đỗ Hữu Lâm

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI THUỘC THẨM QUYỀN
GIẢI QUYẾT CỦA UBND CẤP XÃ TỈNH LONG AN**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 3356 /QĐ-UBND ngày 25 tháng 9 năm
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Long An)*



PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

STT	SỐ HỒ SƠ TTHC	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	TÊN VBQPPL QUY ĐỊNH NỘI DUNG SỬA ĐỔI
I. Lĩnh vực hành chính tư pháp: 02 thủ tục hành chính			
29	T-LAN- 221299-TT	Đăng ký kết hôn	- Thông tư số 09b/2013/TT-BTP ngày 20/5/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 08.a/2010/TT-BTP ngày 25 tháng 3 năm 2010 của Bộ Tư pháp về việc ban hành và hướng dẫn việc ghi chép, lưu trữ, sử dụng sổ, biểu mẫu hộ tịch và Thông tư số 05/2012/TT-BTP ngày 23 tháng 5 năm 2012 của Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 08.a/2010/TT-BTP.
46	T-LAN- 235159-TT	Cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân cho công dân Việt Nam cư trú trong nước để đăng ký kết hôn với người nước ngoài tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài ở nước ngoài	- Thông tư số 09b/2013/TT-BTP ngày 20/5/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 08.a/2010/TT-BTP ngày 25 tháng 3 năm 2010 của Bộ Tư pháp về việc ban hành và hướng dẫn việc ghi chép, lưu trữ, sử dụng sổ, biểu mẫu hộ tịch và Thông tư số 05/2012/TT-BTP ngày 23 tháng 5 năm 2012 của Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 08.a/2010/TT-BTP.

PHẦN II. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND CẤP XÃ

I. LĨNH VỰC HÀNH CHÍNH TƯ PHÁP

29. Đăng ký kết hôn

- Trình tự thực hiện:

+ Bước 1: Nộp hồ sơ tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ hành chính UBND xã, phường, thị trấn.

+ Bước 2: Kiểm tra và xử lý hồ sơ.

+ Bước 3: Chủ tịch (Phó Chủ tịch) UBND xã, phường, thị trấn ký giấy chứng nhận kết hôn.

+ Bước 4: Nhận kết quả tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ hành chính UBND xã, phường, thị trấn.

* Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả: Từ ngày thứ Hai đến ngày thứ Sáu hàng tuần (trừ ngày lễ, ngày nghỉ).

. Sáng: Từ 7 giờ đến 11 giờ 30 phút.

. Chiều: Từ 13 giờ 30 phút đến 17 giờ.

- Cách thức thực hiện: Trực tiếp tại UBND xã, phường, thị trấn.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ bao gồm:

+ Tờ khai đăng ký kết hôn (mẫu TP/HT-2013-TKĐKKH).

+ Bản sao giấy chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu của người đi đăng ký hộ tịch để xác định về cá nhân người đó.

+ Bản sao Sổ hộ khẩu, Sổ đăng ký tạm trú (đối với công dân Việt Nam ở trong nước); Thẻ thường trú, Thẻ tạm trú hoặc Chứng nhận tạm trú (đối với người nước ngoài cư trú tại Việt Nam) để làm căn cứ xác định thẩm quyền đăng ký.

Bản sao các giấy tờ nêu trên, kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

- Thời hạn giải quyết: 03 ngày, nếu có xác minh thời hạn kéo dài thêm không quá 5 ngày.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân.

- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: UBND xã, phường, thị trấn.

- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận kết hôn (bản chính).

- Phí, lệ phí: Không.

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Tờ khai đăng ký kết hôn (mẫu TP/HT-2013-TKĐKKH).

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

+ Khi đăng ký kết hôn, hai bên nam, nữ phải có mặt.

- + Nam nữ kết hôn với nhau phải tuân theo các điều kiện sau đây:
 - . Nam từ hai mươi tuổi trở lên, nữ từ mười tám tuổi trở lên;
 - . Việc kết hôn do nam và nữ tự nguyện quyết định, không bên nào được ép buộc, lừa dối bên nào; không ai được cưỡng ép hoặc cản trở;
- + Việc kết hôn bị cấm trong những trường hợp sau đây:
 - . Người đang có vợ hoặc có chồng;
 - . Người mất năng lực hành vi dân sự;
 - . Giữa những người cùng dòng máu về trực hệ; giữa những người có họ trong phạm vi ba đời;
 - . Giữa cha, mẹ nuôi với con nuôi; giữa người đã từng là cha, mẹ nuôi với con nuôi, bố chồng với con dâu, mẹ vợ với con rể, bố dượng với con riêng của vợ, mẹ kế với con riêng của chồng;
 - . Giữa những người cùng giới tính.
- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:
 - + Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000.
 - + Nghị định số 158/2005/NĐ-CP ngày 27/12/2005 của Chính phủ về đăng ký và quản lý hộ tịch.
 - + Nghị định số 06/2012/NĐ-CP ngày 02/02/2012 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về hộ tịch, hôn nhân và gia đình và chứng thực.
 - + Thông tư số 08.a/2010/TT-BTP ngày 25/3/2010 của Bộ Tư pháp về việc ban hành và hướng dẫn việc ghi chép, lưu trữ, sử dụng sổ, biểu mẫu hộ tịch.
 - + *Thông tư số 09b/2013/TT-BTP ngày 20/5/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 08.a/2010/TT-BTP ngày 25 tháng 3 năm 2010 của Bộ Tư pháp về việc ban hành và hướng dẫn việc ghi chép, lưu trữ, sử dụng sổ, biểu mẫu hộ tịch và Thông tư số 05/2012/TT-BTP ngày 23 tháng 5 năm 2012 của Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 08.a/2010/TT-BTP.*
 - + Thông tư số 01/2008/TT-BTP ngày 02/6/2008 của Bộ Tư pháp hướng dẫn thực hiện một số quy định của Nghị định số 158/2005/NĐ-CP ngày 27/12/2005 của Chính phủ về đăng ký và quản lý hộ tịch.
 - + Quyết định số 53/2006/QĐ-UBND ngày 07/11/2006 của UBND tỉnh Long An ban hành Quy định về thủ tục, trình tự và thời hạn giải quyết công việc hộ tịch tại UBND cấp xã và cấp huyện trên địa bàn tỉnh Long An.
 - + Quyết định số 43/2012/QĐ-UBND ngày 10 tháng 8 năm 2012 của UBND tỉnh Long An về việc ban hành mức thu phí, lệ phí và tỷ lệ (%) trích để lại từ nguồn thu phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Long An.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

TỜ KHAI ĐĂNG KÝ KẾT HÔN

1

Kính gửi:.....

2

Người khai	Bên nam	Bên nữ
Họ và tên		
Ngày, tháng, năm sinh		
Dân tộc		
Quốc tịch		
Nơi thường trú/tạm trú		
Số Giấy CMND/Hộ chiếu/ Giấy tờ hợp lệ thay thế		
Nghề nghiệp		
Kết hôn lần thứ mấy		

Chúng tôi cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật, việc kết hôn của chúng tôi không vi phạm quy định của Luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam và chịu trách nhiệm trước pháp luật về cam đoan của mình.

Đề nghị đăng ký.

....., ngày tháng năm.....

Xác nhận về tình trạng hôn nhân của
cơ quan có thẩm quyền

Bên nam
(Ký, ghi rõ họ tên)

Bên nữ
(Ký, ghi rõ họ tên)

.....
.....
.....
.....

.....

.....

Xác nhận này có giá trị trong thời hạn 6 tháng kể từ ngày xác nhận.

Ngày.....tháng.....năm.....

NGƯỜI KÝ GIẤY XÁC NHẬN

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Chú thích:(1), (2) Trường hợp làm thủ tục đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài, thì phải dán ảnh của hai bên nam, nữ

46. Cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân cho công dân Việt Nam cư trú trong nước để đăng ký kết hôn với người nước ngoài tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài ở nước ngoài

- Trình tự thực hiện:

+ Bước 1: Nộp hồ sơ tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ hành chính thuộc UBND cấp xã.

+ Bước 2: Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ và lệ phí, UBND cấp xã gửi văn bản xin ý kiến Sở Tư pháp kèm theo 01 bộ hồ sơ.

+ Bước 3: Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị của UBND cấp xã, Sở Tư pháp thực hiện thẩm tra, xác minh và có văn bản trả lời Ủy ban nhân dân cấp xã kèm trả hồ sơ; nếu từ chối giải quyết, Sở Tư pháp giải thích rõ lý do bằng văn bản gửi UBND cấp xã để thông báo cho người yêu cầu.

+ Bước 4: Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đồng ý của Sở Tư pháp, Chủ tịch UBND cấp xã ký Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân và cấp cho người yêu cầu.

+ Bước 5: Nhận kết quả tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ hành chính thuộc UBND cấp xã.

* Thời gian tiếp nhận và trả hồ sơ: Từ thứ Hai đến thứ Sáu hàng tuần (trừ ngày lễ, ngày nghỉ).

. Sáng: Từ 07 giờ 00 phút đến 11 giờ 30 phút.

. Chiều: Từ 13 giờ 30 phút đến 17 giờ 00 phút.

- Cách thức thực hiện: Trực tiếp tại UBND xã, phường, thị trấn.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ gồm:

- *Tờ khai cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân (TP/HT-2013-TKXNHN)*;

- Bản sao một trong các giấy tờ để chứng minh về nhân thân như Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc giấy tờ hợp lệ thay thế;

- Bản sao sổ hộ khẩu hoặc sổ tạm trú của người yêu cầu.

Trường hợp công dân Việt Nam đã ly hôn tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài thì phải nộp Giấy xác nhận về việc ghi vào sổ hộ tịch việc ly hôn đã tiến hành ở nước ngoài theo quy định của pháp luật Việt Nam.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

- Thời hạn giải quyết: 14 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân.

- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: UBND xã, phường, thị trấn.

- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân.

- Phí, lệ phí:

- + Lệ phí: Cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân
- + Mức phí: 5.000 đồng/bản.
- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: *Tờ khai cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân (TP/HT-2013-TKXNHN)*;
- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:
- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:
 - + Nghị định số 24/2013/NĐ-CP ngày 28/3/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật hôn nhân và gia đình về quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài.
 - + Thông tư số 08.a/2010/TT-BTP ngày 25/3/2010 của Bộ Tư pháp về việc ban hành và hướng dẫn việc ghi chép, lưu trữ, sử dụng sổ, biểu mẫu hộ tịch.
 - + *Thông tư số 09b/2013/TT-BTP ngày 20/5/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 08.a/2010/TT-BTP ngày 25 tháng 3 năm 2010 của Bộ Tư pháp về việc ban hành và hướng dẫn việc ghi chép, lưu trữ, sử dụng sổ, biểu mẫu hộ tịch và Thông tư số 05/2012/TT-BTP ngày 23 tháng 5 năm 2012 của Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 08.a/2010/TT-BTP.*
 - + Quyết định số 43/2012/QĐ-UBND ngày 10/8/2012 của UBND tỉnh Long An về việc ban hành mức thu phí, lệ phí và tỷ lệ (%) trích để lại từ nguồn thu phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Long An.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI CẤP GIẤY XÁC NHẬN TÌNH TRẠNG HÔN NHÂN

Kính gửi:

Họ và tên người khai:

Dân tộc: Quốc tịch:

Nơi thường trú/tạm trú:

Quan hệ với người được cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân:

Đề nghị cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân cho người có tên dưới đây:

Họ và tên: Giới tính:

Ngày, tháng, năm sinh:

Nơi sinh:

Dân tộc:.....Quốc tịch:

Số Giấy CMND/Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế:

Nơi thường trú/tạm trú⁽¹⁾:

Nghề nghiệp:

Trong thời gian cư trú tại

..... từ ngày.....tháng.....năm, đến ngày tháng năm⁽²⁾

Tình trạng hôn nhân⁽³⁾

.....

Mục đích của việc yêu cầu cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân⁽⁴⁾:.....

.....

.....

.....

.....

Tôi cam đoan những nội dung khai trên đây là đúng sự thật và chịu trách nhiệm trước pháp luật về lời khai của mình.

Làm tại:....., ngày tháng năm

Người khai
(Ký, ghi rõ họ và tên)

.....

Chú thích:

⁽¹⁾ Trường hợp công dân Việt Nam cư trú trong nước thì ghi theo nơi đăng ký thường trú, trong trường hợp không có nơi đăng ký thường trú thì ghi theo nơi đăng ký tạm trú.

Trường hợp công dân Việt Nam cư trú ở nước ngoài thì ghi theo địa chỉ thường trú hoặc tạm trú ở nước ngoài.

⁽²⁾ Chỉ khai trong trường hợp công dân Việt Nam đang cư trú ở nước ngoài có yêu cầu xác nhận tình trạng hôn nhân trong thời gian cư trú ở nước ngoài hoặc trong thời gian cư trú tại Việt Nam trước khi xuất cảnh.

⁽³⁾ Đối với công dân Việt Nam cư trú ở trong nước thì khi rõ tình trạng hôn nhân hiện tại: đang có vợ hoặc có chồng; hoặc chưa đăng ký kết hôn lần nào; hoặc đã đăng ký kết hôn, nhưng đã ly hôn hay người kia đã chết.

Đối với công dân Việt Nam cư trú ở nước ngoài có yêu cầu xác nhận tình trạng hôn nhân trong thời gian cư trú tại Việt Nam trước khi xuất cảnh, thì khai về tình trạng hôn nhân của mình trong thời gian đã cư trú tại nơi đó (Ví dụ: trong thời gian cư trú tại, từ ngày..... tháng năm đến ngày tháng năm chưa đăng ký kết hôn với ai).

Đối với công dân Việt Nam đang cư trú ở nước ngoài, có yêu cầu xác nhận tình trạng hôn nhân trong thời gian cư trú ở nước ngoài, thì khai về tình trạng hôn nhân của mình trong thời gian cư trú tại nước đó (Ví dụ: trong thời gian cư trú tại CHLB Đức từ ngày tháng năm đến ngày tháng năm không đăng ký kết hôn với ai tại Đại sứ quán Việt Nam tại CHLB Đức);

⁽⁴⁾ Ghi rõ mục đích sử dụng Giấy xác nhận tình hôn nhân. Trường hợp sử dụng Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân để kết hôn, thì phải ghi rõ kết hôn với ai (họ và tên; ngày, tháng, năm sinh; quốc tịch; nơi thường trú/tạm trú); nơi đăng ký kết hôn.